

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2021/DS-ST**
Ngày: 11 - 01 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ngu.

2. Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Tấn S**, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Ngọc D**, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 11 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn S trình bày:

Năm 2016 và năm 2017, ông Nguyễn Tấn S cho bà Trần Ngọc D vay tiền 05 lần, với số tiền là 20.000.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: Ngày 06-9-2016, ông S cho bà D vay số tiền 4.000.000 đồng;

Lần 2: Ngày 11-11-2016, ông S cho bà D vay số tiền 3.000.000 đồng;

Lần 3: Ngày 26-01-2017, ông S cho bà D vay số tiền 3.000.000 đồng;

Lần 4: Ngày 20-5-2017, ông S cho bà D vay số tiền 5.000.000 đồng;

Lần 5: Ngày 07-6-2017, ông S cho bà D vay số tiền 5.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền thì bà D đóng lãi cho ông S được 03 tháng với số tiền là 1.260.000 đồng thì không tiếp tục đóng lãi nữa. Khi vay tiền thì bà D hẹn qua đám

cưới con bà D khoảng tháng 6-2017 sẽ trả cho ông S số tiền vay, thế nhưng đến nay bà D vẫn không trả số tiền vay. Do vậy, ông S yêu cầu bà D trả cho ông S số tiền vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 01-7-2017 đến ngày 01-7-2020, lãi suất bằng 20%/năm, với số tiền là 4.000.000 đồng, tổng cộng là 24.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi, ông S chỉ yêu cầu bà D trả số tiền vay là 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- *Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Ngọc D trình bày:*

Bà D không có yêu cầu phản tố đối với ông S.

Bà D thừa nhận có vay tiền của ông S 05 lần, tổng cộng số tiền vay là 20.000.000 đồng như lời trình bày của ông S. Về số tiền lãi đã đóng thì ông S trình bày không đúng, khi vay thì hai bên có thỏa thuận tiền lãi là 60.000 đồng/1.000.000đồng/tháng, mỗi tháng bà D đã đóng tiền lãi cho ông S số tiền là 1.200.000 đồng, đóng lãi gần 04 năm với số tiền khoảng 36.000.000 đồng, việc đóng lãi thì không có làm biên nhận, cũng không có ai chứng kiến.

Bà D đồng ý trả cho ông S số tiền vay là 20.000.000 đồng. Ông S không yêu cầu bà D trả tiền lãi thì bà D thống nhất. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị trả dần mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Ngọc D trả số tiền vay, tiền lãi. Bị đơn bà Trần Ngọc D cư trú tại ấp A, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[1.2] Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 thì Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là bà Kim Thị Cẩm Hường. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy vụ án không thuộc các trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015. Như vậy, Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, đối với yêu cầu bà D trả số tiền lãi là 4.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này do ông S tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà ông S đã rút.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông S khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền vay là 20.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp thì ông S cung cấp chứng cứ là 01 (một) Tờ giấy tập học sinh, dòng đầu ghi: “Tôi Trần Thị Dung có hỏi tiền tháng của”, dòng cuối có chữ viết, chữ ký “Trần Ngọc D” (bản chính) và 01 (một) Tờ giấy tập học sinh, dòng đầu ghi: “Trần Ngọc D có hỏi tiền tháng của chú S”, dòng cuối có chữ viết, chữ ký “Trần Ngọc D” (bản chính). Bà D thừa nhận có vay tiền của ông S 05 lần với số tiền là 20.000.000 đồng. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên Hội đồng xét xử xác định tình tiết, sự kiện nêu trên là sự thật.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông S về việc yêu cầu bà D trả tiền vay, Hội đồng xét xử xét thấy, ông S yêu cầu bà D trả số tiền vay là 20.000.000 đồng. Bà D thừa nhận có vay của ông S số tiền 20.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông S số tiền vay còn nợ theo yêu cầu của ông S. Như vậy, yêu cầu khởi kiện này của ông S là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Bà D cho rằng khi vay tiền thì hai bên có thỏa thuận lãi là 60.000 đồng/1.000.000đồng/tháng, mỗi tháng bà D đã đóng lãi cho ông S số tiền là 1.200.000 đồng, đóng lãi gần 04 năm, với số tiền khoảng 36.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh có đóng lãi cho ông S, ông S không thừa nhận việc bà D có đóng lãi với mức lãi suất như bà D trình bày và theo các giấy vay tiền thì hai bên không thỏa thuận trả lãi. Như vậy, trình bày này của bà D là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.4] Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S, buộc bà D phải trả cho ông S số tiền vay là 20.000.000 đồng; Đình chỉ xét xử phần yêu cầu ông S đã rút đối với yêu cầu bà D trả số tiền lãi là 4.000.000 đồng.

[2.5] Bà D yêu cầu được trả dần mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ nhưng ông S không đồng ý. Yêu cầu này của bà D sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông S được chấp nhận với số tiền là 1.000.000 đồng (bằng chữ: Một triệu đồng). Ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn S về việc yêu cầu bà Trần Ngọc D trả số tiền vay còn nợ.

Buộc bà Trần Ngọc D phải trả cho ông Nguyễn Tấn S số tiền vay còn nợ là 20.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Tấn S có đơn yêu cầu thi hành án, bà Trần Ngọc D (Út) còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền, thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn S đối với yêu cầu bà Trần Ngọc D (Út) trả số tiền lãi là 4.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Ngọc D (Út) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.000.000 đồng (bằng chữ: Một triệu đồng).

- Ông Nguyễn Tấn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008472 ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt